

Số : 110/GTS

Quảng Nam, ngày 06 tháng 11 năm 2019

V/v công khai thông tin cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam trên Cổng thông tin Điện tử Chính phủ.

Kính gửi: - Cổng thông tin Điện tử Chính phủ.

Căn cứ Khoản 1, Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Để triển khai công tác cổ phần hoá theo đúng quy định của Nhà nước; Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam kính đề nghị Cổng thông tin điện tử Chính phủ công khai các thông tin sau theo công văn này:

- Bản Công bố thông tin bán đấu giá cổ phần lần đầu Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.


- Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Giống Thủy sản Quảng Nam
(Có hồ sơ chính kèm theo)

Trên đây, là nội dung công khai thông tin cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam trên cổng thông tin Điện tử Chính phủ.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Bộ Tài chính (B/cáo);
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Văn phòng Chính phủ (B/cáo);
- Ban Đổi mới và PTDN tỉnh (B/cáo);
- Sở Tài chính (B/cáo);
- Trưởng Ban Chỉ đạo CPH Trung tâm (B/cáo);
- Công ty cổ phần CK Agrribank chi nhánh Miền Trung (P/hợp thực hiện);
- Lưu VT.


PHẠM ĐỐC PHỤ TRÁCH

PHAN ĐÌNH CHÂU

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐÁU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM

	ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA
	TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM Địa chỉ: Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam Điện thoại: 0235.3856116 Fax: 0235.3859066
	ĐƠN VỊ TƯ VẤN TỔ CHỨC ĐÁU GIÁ
	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG Địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: 0236.3671666 Fax: 0236.3621893

Tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

I.	TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA.....	6
II.	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	6
III.	SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU	7
IV.	TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYÊN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN	8
V.	GIÁ TRỊ THỰC TẾ ĐƠN VỊ TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ.....	9
VI.	TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP	12
	1. Tình hình đất đai đang sử dụng	12
	2. Tình hình tài sản cố định.....	14
VII.	DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON	14
VIII.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	14
	1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	14
	2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá.....	23
	3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	24
IX.	VỊ THẾ CỦA ĐƠN VỊ SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH..	25
	1. Vị thế của Đơn vị trong ngành.....	25
	2. Triển vọng phát triển của ngành.....	25
	3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước.....	26
X.	PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	26
	1. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	26
	2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 – 2022.....	27
XI.	VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	29
	1. Vốn điều lệ.....	29
	2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần	30
XII.	RỦI RO DỰ KIẾN.....	30
	1. Rủi ro về kinh tế	30
	2. Rủi ro về luật pháp.....	32
	3. Rủi ro đặc thù	32
	4. Rủi ro của đợt chào bán	32
	5. Rủi ro khác.....	32
XIII.	PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	32
	1. Phương thức bán	32
	2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	34
XIV.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	35
XV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Nhiệm vụ và quyền hạn.....	6
Bảng 2: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	8
Bảng 3: Kết quả xác định giá trị đơn vị tại thời điểm 31/12/2018	9
Bảng 4. Tình hình quản lý và sử dụng đất của Trung tâm tại thời điểm 31/12/2018.....	13
Bảng 5. Tình hình tài sản cố định của Đơn vị tại thời điểm 31/12/2018.....	14
Bảng 6. Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2016- 2018.....	15
Bảng 7. Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu	16
Bảng 8. Cơ cấu chi phí sản xuất giai đoạn 2016- 2018	16
Bảng 9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	23
Bảng 10: Tình hình thu chi của Trung tâm 2016 – 2018	23
Bảng 11: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 – 2022	27
Bảng 12: Cơ cấu vốn điều lệ.....	29
Bảng 13: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	35

CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ.

- Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ Tướng Chính Phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

- Quyết định số 3619/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 05/11/2008 về việc thành lập Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

- Quyết định số 2616/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam ngày 07/08/2009 về việc Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 về thành lập Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

- Công văn số 850/TTg-ĐMDN ngày 24/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam chuyển thành công ty cổ phần.

- Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/06/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Quyết định số 164/DQQ-BCĐ ngày 09/07/2018 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Quyết định số 3754/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam.
- Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 31/07/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam.
- Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại buổi làm việc về tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.
- Thông báo số 22/TB-BCĐ ngày 28/2/2019 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam.
- Thông báo số 128/TB-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp về tiến độ CPH các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan đến việc chưa thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất tại các đơn vị CPH.
- Căn cứ Công văn số 1091/STC-TCDN ngày 08/5/2019 của Sở Tài chính Quảng Nam về việc cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn tại Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Thông báo số 180/TB-UBND ngày 20/05/2019 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo về công tác xác định giá trị cổ phần hóa Trung tâm Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam và các đơn vị liên quan.
- Công văn số 3104/UBND-KTTH ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đối với Trung tâm giống Nông – Lâm nghiệp Quảng Nam, Trung tâm giống Thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Tư vấn Xây dựng thị xã Điện Bàn, Đoạn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam.
- Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá.

- Căn cứ Tờ trình số 259/TTr-BCĐ ngày 26/8/2019 của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về việc Đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự toán chi phí thực hiện Cổ phần hoá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, lần 2.
- Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 17/09/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt phương án sử dụng lao động khi thực hiện chuyển Trung tâm Giống thủy sản Quảng Nam thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-SNN&PTNT ngày 17/9/2019 của Sở Nông nghiệp & PTNT Quảng Nam về việc thanh lý tiêu huỷ hoá chất hết hạn sử dụng.
- Tờ trình số 5534/TTr-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cho phép bán toàn bộ vốn Nhà nước khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Quảng Nam thành công ty cổ phần.
- Thông báo số 325/TB-UBND ngày 27/9/2019 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Tùng tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
- Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-STC ngày 04/10/2019 của Sở Tài chính Quảng Nam về việc điều chuyển tài sản của Trung tâm Giống Thủy sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ Phú Ninh quản lý, sử dụng.
- Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.
- Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA

Tên tiếng Việt đầy đủ : **TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM**

Địa chỉ trụ sở chính : Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại : 0235.3856116

Fax : 0235.3856116

Người đại diện : Bùi Quang Minh

Cơ quan chủ quản : Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Quảng Nam

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam, trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Khuyến Ngư và Phát triển Giống Thủy sản Quảng Nam được thành lập theo Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 05/11/2008 và Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam có chức năng nghiên cứu, thực nghiệm và ứng dụng các công nghệ về giống thủy sản; lưu giữ giống thủy sản đặc hữu ở địa phương, nhân các loại giống thuần chủng, cấp cho các cơ sở sản xuất giống; tham gia đào tạo kỹ thuật và chuyển giao công nghệ về giống thủy sản; sản xuất dịch vụ con giống thủy sản có chất lượng cao; liên kết hoạt động dịch vụ khác phù hợp với ngành nghề và cơ sở vật chất của đơn vị.

Các nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam:

Bảng 1. Nhiệm vụ và quyền hạn

STT	Nhiệm vụ, quyền hạn
1	Xây dựng và trình Sở Nông Nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam định hướng công tác phát triển giống thủy sản trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan chức năng khác triển khai thực hiện các chương trình, mục tiêu, kế hoạch phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tại địa phương.
2	Tiếp nhận các đối tượng giống mới, giống thuần chủng, giống ông bà, bố mẹ từ các Trung tâm giống Quốc gia và các Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản để lưu giữ, chọn lọc, phát triển đàn giống bố mẹ, giống hậu bị đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng cho các cơ sở sản xuất giống thương mại trong tỉnh.

3	Lưu giữ giống gốc, nhân giống các đối tượng thủy sản bản địa quý hiếm để bảo tồn nguồn gen quốc gia.
4	Nghiên cứu, tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để sản xuất các đối tượng giống mới, sạch bệnh và hoàn thiện các quy trình kỹ thuật sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.
5	Chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất giống cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác sản xuất giống thủy sản.
6	Sản xuất giống phục vụ cho nuôi trồng, bảo tồn và tái tạo nguồn lợi thủy sản theo chương trình, kế hoạch của tỉnh; chủ trì thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ về giống thủy sản trong tỉnh; tổ chức sản xuất, dịch vụ giống thủy sản kinh tế cho nhu cầu nuôi trồng thủy sản.
7	Tổ chức nuôi và khai thác cá thịt tại hồ chứa nước Phú Ninh và các hồ chứa nước khác trong tỉnh.
8	Liên kết tổ chức các hoạt động dịch vụ khác phù hợp với hoạt động ngành nghề và cơ sở vật chất của đơn vị.
9	Tư vấn, lập các dự án khả thi, báo cáo đầu tư các dự án vay vốn tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất kinh doanh ngành, nghề thủy sản.
10	Phối hợp tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn về sản xuất giống thủy sản, tập huấn về kỹ thuật sản xuất giống thủy sản; tham gia các dự án của ngành, các dự án quốc tế về thủy sản có liên quan đến địa phương.
11	Quan hệ hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn đầu tư hoặc tham gia trực tiếp đầu tư và các chương trình dự án, các chương trình nghiên cứu, thực nghiệm về phát triển giống và sản xuất dịch vụ thủy sản ở địa phương.
12	Quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, tài chính, tài sản được Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT giao đúng theo quy định của Nhà nước.
13	Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT giao.

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

III. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam hiện đang cung cấp các sản phẩm và dịch vụ

vụ chủ yếu sau:

- Sản xuất và cung ứng tất cả các chủng loại giống thủy sản phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh và khu vực Miền Trung và Tây nguyên;
- Di giống, thuần hoá và sản xuất giống thủy sản mới để bổ sung, tái tạo nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học ở thủy vực tự nhiên ở Quảng Nam;
- Bảo tồn, lưu giữ, sinh sản các giống thủy sản bản địa quý hiếm (cá Niên, cá Chiên, cá Nu...);
- Thả các chủng loại cá giống (chủ yếu cá Mè) tái tạo nguồn lợi và khai thác cá thịt ở hồ Phú Ninh; góp phần làm trong sạch nguồn nước hồ Phú Ninh phục vụ nước sinh hoạt cho khu dân cư (hạn chế sự phát triển của các loài tảo);
- Thực hiện các chương trình sự nghiệp về phát triển giống và nuôi trồng thủy sản hằng năm của nhà nước;
- Tư vấn và hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản cho các địa phương trên địa bàn tỉnh và khu vực;
- Tổ chức và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ câu cá thể thao giải trí và ăn uống di động liên quan đến ngành nghề hoạt động đơn vị.

IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Trên cơ sở số lao động hiện có và nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Đơn vị dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng 2: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	11	100,00%
Phân theo trình độ lao động	11	100,00%
- Trên đại học	-	-
- Trình độ đại học	04	36,36%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	04	-
- Trình độ khác	03	63,63%
Phân theo loại hợp đồng lao động	11	100,00%
- Lao động không thuộc diện ký HĐ	01	9,09%
- Hợp đồng không thời hạn	09	81,81%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	01	9,09%

- Hợp đồng thời vụ	-	-
Phân theo giới tính	11	100,00%
- Nam	06	54,55%
- Nữ	05	45,45%

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ ĐƠN VỊ TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá. Giá trị thực tế của đơn vị tại thời điểm 31/12/2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam là: **10.842.420.982** đồng, trong đó:

- Nợ thực tế phải trả: **1.438.255.573** đồng.

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018 để cổ phần hóa là: **9.404.165.409** đồng.

Giá trị thực tế đơn vị để cổ phần hóa của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 3: Kết quả xác định giá trị đơn vị tại thời điểm 31/12/2018

Đvt: đồng.

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2018	Số liệu xác định lại tại thời điểm 31/12/2018	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng	8.676.315.818	10.842.420.982	2.166.105.164
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	8.297.096.325	10.463.201.489	2.166.105.164
1. Tài sản cố định	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
1.1 Tài sản cố định hữu hình	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
a) Nhà cửa, vật kiến trúc	8.123.951.667	10.090.544.427	1.966.592.760
a1) Nhà cửa, vật kiến trúc	8.123.951.667	8.741.544.427	617.592.760
a2) Nhà cửa, vật kiến trúc do tập thể và cá nhân CBVC-NLĐ Trung tâm đầu tư		1.349.000.000	1.349.000.000
b) Máy móc thiết bị	19.445.000	116.288.000	96.843.000
c) Phương tiện vận tải	61.529.100	128.037.260	66.508.160
d) Tài sản khác	59.353.890	88.533.402	29.179.512
1.2 Tài sản cho thuê tài chính	-	-	-
a) Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
b) Máy móc thiết bị	-	-	-
c) Phương tiện vận tải	-	-	-

1.3 Tài sản cố định vô hình	-	-	-
a) Phần mềm máy tính	-	-	-
b) Quyền sử dụng đất	-	-	-
c) Tài sản vô hình khác	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
a) Phải thu dài hạn khác	-	-	-
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
5. Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
6. Tài sản dài hạn khác	32.816.668	39.798.400	6.981.732
a) Tài sản dài hạn khác	32.816.668	39.798.400	6.981.732
7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	379.219.493	379.219.493	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	210.860.315	210.860.315	-
a) Tiền mặt	150.489.363	150.489.363	-
b) Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	60.370.952	60.370.952	-
c) Tiền đang chuyển	-	-	-
d) Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	54.700.000	54.700.000	-
a) Phải thu khách hàng	5.200.000	5.200.000	-
b) Trả trước cho người bán	49.500.000	49.500.000	-
c) Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
d) Các khoản phải thu khác	-	-	-
e) Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
f) Các khoản tạm ứng	-	-	-
4. Hàng tồn kho	113.659.178	113.659.178	-

a) Công cụ, dụng cụ ứ đọng kém mất phẩm chất	94.068.076	94.068.076	-
b) Chi phí SX, KD dở dang	19.591.102	19.591.102	
5. Tài sản lưu động khác	-	-	-
a) Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
b) Thuế và các khoản phải thu NN	-	-	-
c) TSLĐ khác	-	-	-
d) Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng			
C. Tài sản chờ thanh lý	12.460.700	12.460.700	-
D. Tài sản không cổ phần hóa	24.154.833	24.154.833	
E. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐƠN VỊ (A+B + C+D)	8.712.931.351	10.879.036.515	2.166.105.164
Trong đó:			
GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ (mục A)	8.676.315.818	10.842.420.982	2.166.105.164
E1. NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	89.755.601	1.438.255.573	1.348.499.972
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
<i>E2a. Số dư nguồn kinh phí</i>			
<i>E2b. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định</i>	<i>8.333.711.858</i>	<i>8.333.711.858</i>	-
E3. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	19.591.102	19.591.102	
F. GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ {A-(E1+E2a)}	8.586.560.217	9.404.165.409	817.605.192
GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ THỜI ĐIỂM 31/12/2018		9.404.165.409	

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018)

❖ **Những vấn đề còn tiếp tục xử lý trước và sau khi cổ phần hoá liên quan đến giá trị doanh nghiệp:**

- Giá trị vật tư hoá chất hết hạn sử dụng cần thanh lý tiêu huỷ và giảm giá trị doanh nghiệp, cụ thể là 94.068.076 đồng (Chín mươi tư triệu, không trăm sáu tám ngàn, bảy sáu đồng), Trung tâm phải thực hiện thanh lý trước khi bàn giao cho công ty cổ phần.

- Xác định giá đất cụ thể khi thực hiện cổ phần hóa:

Theo công văn số 1153/STNMT-QLĐĐ ngày 12/07/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo hình thức thuê đất trả tiền hằng năm thì không phải tính tiền thuê đất trả tiền hằng năm và giá trị lợi thế vị trí địa lý vào giá trị danh nghiệp trước khi phê duyệt phương án cổ phần hóa. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 180 Luật Đất đai thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất.

VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tình hình đất đai đang sử dụng

Tính đến ngày 31/12/2018, Trung tâm còn được giao quản lý sử dụng các khu đất với tổng diện tích đất: **170.071,9m²**. chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 4. Tình hình quản lý và sử dụng đất của Trung tâm tại thời điểm 31/12/2018

Sst	Tên công trình	Xã, phường	Diện tích	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý
1	Trụ sở làm việc Trung tâm	Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	10.826	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 11903 ngày 13/11/2015 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp
2	Nhà quản lý Trạm sản xuất giống TSNN Phú Ninh	Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	12.548,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 09218 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp
3	Đất nuôi trồng thủy sản	Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	129.169,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 09219 ngày 19/12/2014 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp
4	Đất nuôi trồng thủy sản	Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	17.527,3	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCN: CT 11904 ngày 13/11/2015 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp.
Tổng			170.071,9		

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

2. Tình hình tài sản cố định**Bảng 5. Tình hình tài sản cố định của Đơn vị tại thời điểm 31/12/2018**

ĐVT: Đồng

TT	Tài sản	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại xác định lại	Chênh lệch
A.	Tài sản tính vào giá trị đơn vị	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
1	Tài sản cố định hữu hình	8.264.279.657	10.423.403.089	2.159.123.432
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.123.951.667	10.090.544.427	1.966.592.760
a1	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>8.123.951.667</i>	<i>8.741.544.427</i>	<i>617.592.760</i>
a2	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc do tập thể và cá nhân CBVC-NLĐ Trung tâm đầu tư</i>	-	<i>1.349.000.000</i>	<i>1.349.000.000</i>
b	Máy móc thiết bị	19.445.000	116.288.000	96.843.000
c	Phương tiện vận tải	61.529.100	128.037.260	66.508.160
d	Tài sản khác	59.353.890	88.533.402	29.179.512
B	Tài sản không đưa vào giá trị đơn vị	36.615.533	-	-
1	Tài sản chờ thanh lý	12.460.700	-	-
2	Tài sản không cổ phần hóa	24.154.833	-	-
a	Nhà thao tác lưới (sửa chữa năm 2004)	24.154.833	-	-
b	Nhà kho và bãi đá du dịch hồ Phú Ninh	-	-	-
c	Bãi đá bến cảng (trong hồ)	-	-	-

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2018)

VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

Không có

VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA**1. Tình hình hoạt động kinh doanh***a. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm*

- Cơ cấu doanh thu của Đơn vị như sau:

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2016- 2018

ĐVT: Đồng

TT	DOANH THU	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.978.948.861	100	1.775.466.455	100	1.872.860.746	99,98
	Doanh thu từ sản xuất và dịch vụ giống thủy sản	1.394.907.308	70,49	1.158.551.455	65,25	1.386.290.746	74.01
	Doanh thu từ khai thác cá trên hồ Phú Ninh	584.041.553	41,87	616.915.000	53,25	486.570.000	25,97
II	Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	228.019	0,02
III	Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	1.978.948.861	100	1.775.466.455	100	1.873.088.765	100

- (Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

- Về lợi nhuận của Công ty:

Đặc thù ngành nghề sản xuất dịch vụ của Trung tâm phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu (động vật biến nhiệt). Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho thời tiết nóng lên, và thay đổi thất thường, không theo quy luật. Vậy nên sản xuất năng suất thấp, hiệu quả không cao, doanh thu chỉ đủ bù đắp chi phí, đảm bảo thu nhập cho người lao động theo mức lương nhà nước quy định, không có lợi nhuận.

b. Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất giống thủy sản chủ yếu là: điện, nước, phân hữu cơ, vô cơ, chế phẩm sinh học, thức ăn công nghiệp... đều là nguồn nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, do các nhà cung cấp trong và ngoài tỉnh cung ứng.

- Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Trong các năm qua, nguồn cung ứng nguyên, vật liệu nói trên cho Trung tâm đều ổn định, kịp thời. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu bao gồm:

Bảng 7. Danh sách các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu

STT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Đại lý Phước Sương	Vôi thủy sản, Vitamin C, men vi sinh, đồng sunfat, tetracycline
2	Đại lý Hoa Ngọc	Cám gạo tinh, sắn, đậu nành
3	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xăng dầu Trường Xuân	Dầu
4	Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	Thuốc HCG
5	Đại lý Nguyễn Văn Nghĩa	Thức ăn công nghiệp
6	Đại lý Nở	Bao bì, công cụ dụng cụ

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Giá cả nguyên vật liệu tăng giảm tác động lớn tới doanh thu, lợi nhuận. Do nhận biết được vấn đề này, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam đã áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm nhằm giảm thiểu tối đa sự biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Trong những năm qua, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục cũng gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Đơn vị.

c. Chi phí sản xuất

Bảng 8. Cơ cấu chi phí sản xuất giai đoạn 2016- 2018

DVT: Đồng

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	1.908.445.461	96,4	1.663.419.355	93,7	1.845.041.526	98,5

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2016		NĂM 2017		NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
2	Chi phí tài chính	-	-	-	-	228.019	0,011
3	Chi phí bán hàng	70.503.400	3,6	112.047.100-	6,3	-	
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-		-	-	26.804.849	1,43
5	Chi phí khác	-		-	-	1.014.371	0,05
	TỔNG CỘNG	1.978.948.861	100	1.775.466.455	100	1.873.088.765	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

Tổng chi phí của Công ty có sự thay đổi về giá trị tuy nhiên tỷ trọng Chi phí/ Doanh thu thuần không có nhiều biến động. Tỷ trọng Chi phí/ Doanh thu thuần cao tác động nhiều đến hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn, bình quân khoảng trên 93% tổng chi phí.

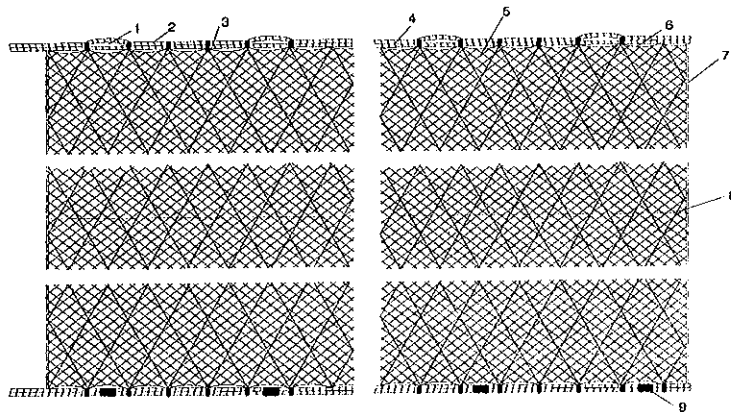
d. Trình độ công nghệ

- Trình độ công nghệ sản xuất giống thủy sản nước ngọt

Trung tâm sản xuất Giống Thủy sản nước ngọt theo tiêu chuẩn Việt Nam 28TCN 133:1998 Freshwater – Fry – Technical requirements Ban hành theo Quyết định số 733/1998/QĐ-BTS ngày 17/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. So với tiêu chuẩn này, trình độ công nghệ sản xuất ở Trung tâm đạt và vượt mức hơn so với tiêu chuẩn ở một số đối tượng như cá rô phi đơn tính dòng Gift, cá mè trắng, mè hoa, cá chép... So với các tỉnh phía Bắc, thì chất lượng sản xuất giống thủy sản nước ngọt ở Trung tâm phong phú và đa dạng hơn cả về chủng loại và năng suất, do điều kiện khí hậu tốt hơn (không có mùa lạnh). So với phía Nam thì trình độ sản xuất ở Trung tâm năng suất thấp hơn ở một số đối tượng do chất lượng nguồn nước xấu hơn: độ kiềm dưới 30 trong khi đó độ kiềm ở phía Nam trên 60; nguồn thức ăn tự nhiên thấp và một số đối tượng hầu như không có như Trùn chỉ, Moina... Do vậy, chi phí giá thành sản xuất giống thủy sản nước ngọt ở Trung tâm cao hơn ở phía Nam.

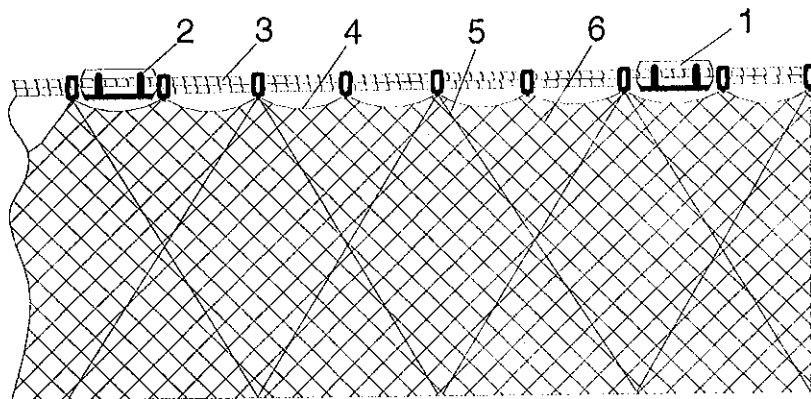
- Trình độ công nghệ khai thác cá hồ chứa nước

Trung tâm vẫn duy trì phương pháp khai thác cá hồ chứa truyền thống ở phía Bắc. Đó là phương pháp khai thác liên hợp “Dồn, Chấn, Rê, Chuồng”. Tuy nhiên, Trung tâm đã cải tiến chỉ còn sử dụng “Chấn, Chuồng”. Trong đó, Dồn là dùng lưới rê 03 lớp để dồn cá; Chấn: là lưới chấn có kích thích mắc lưới 2a từ 45-90; Chuồng: là cái túi đựng cá làm bằng Lưới chấn 2a= 45 có kích thước dao động từ 10-15m X 20-25m. Hiện nay, chỉ duy nhất ở hồ Phú Ninh còn sử dụng phương pháp khai thác này. Đây là phương pháp khai thác thân thiện với môi trường và không sử dụng nhiên liệu...



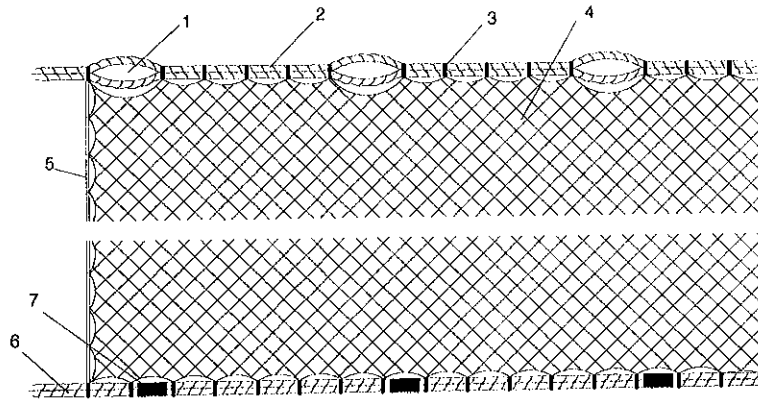
Tấm lưới rê ba lớp sau khi lắp ráp

1-Phao; 2-giềng băng phao; 3-lưới lớp ngoài;
4-giềng luôn phao; 5-lưới lớp giữa; 6-dây thủy
khấu; 7-giềng biên; 8-giềng lợc; 9-viên chì;
10-giềng luôn chì; 11-giềng băng chì



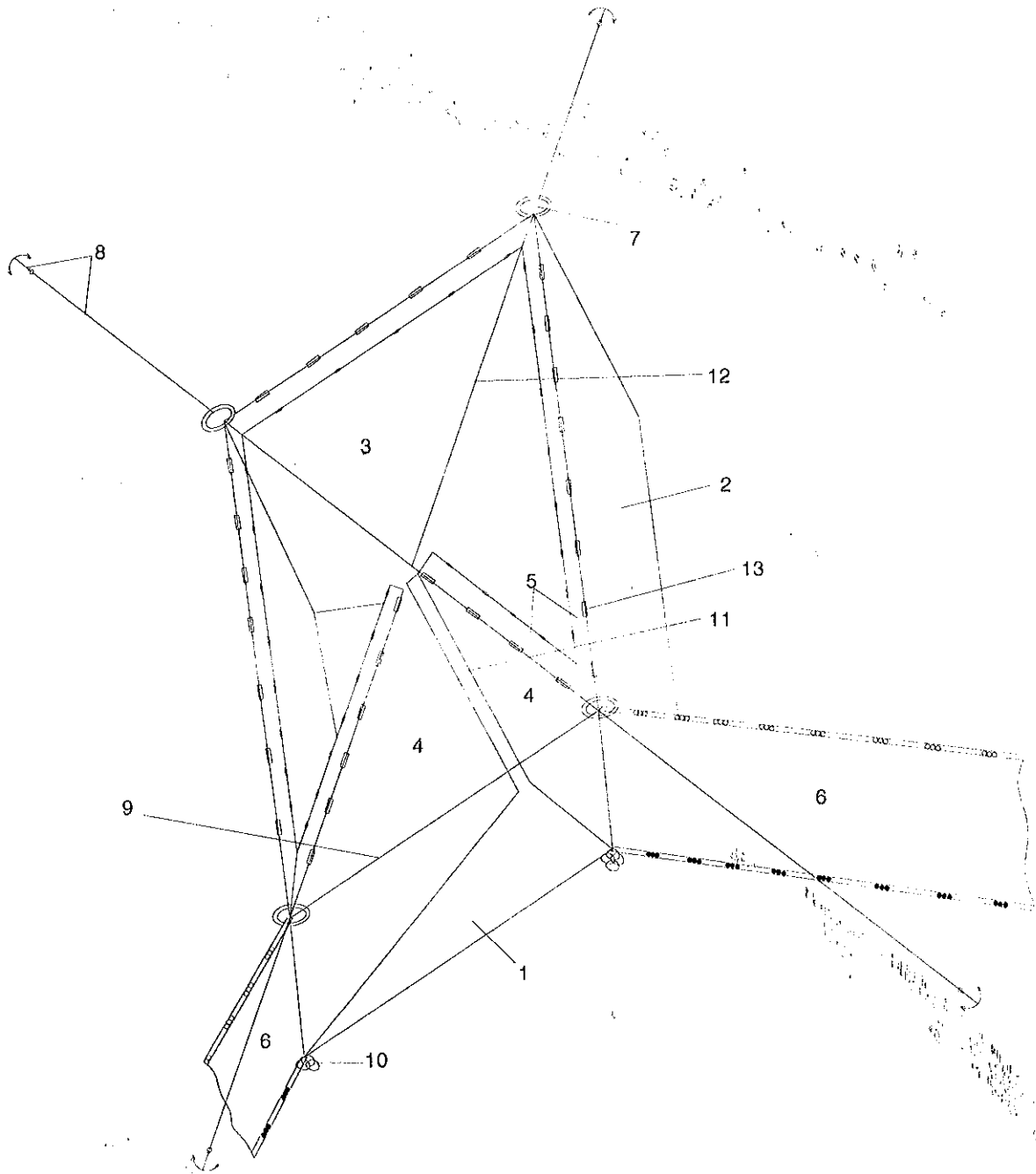
Cách cố định phao và giềng phao

1-Phao; 2-lỗ trên phao; 3-giềng
phao; 4-dây thủy khấu; 5-lưới
lớp ngoài; 6-lưới lớp giữa



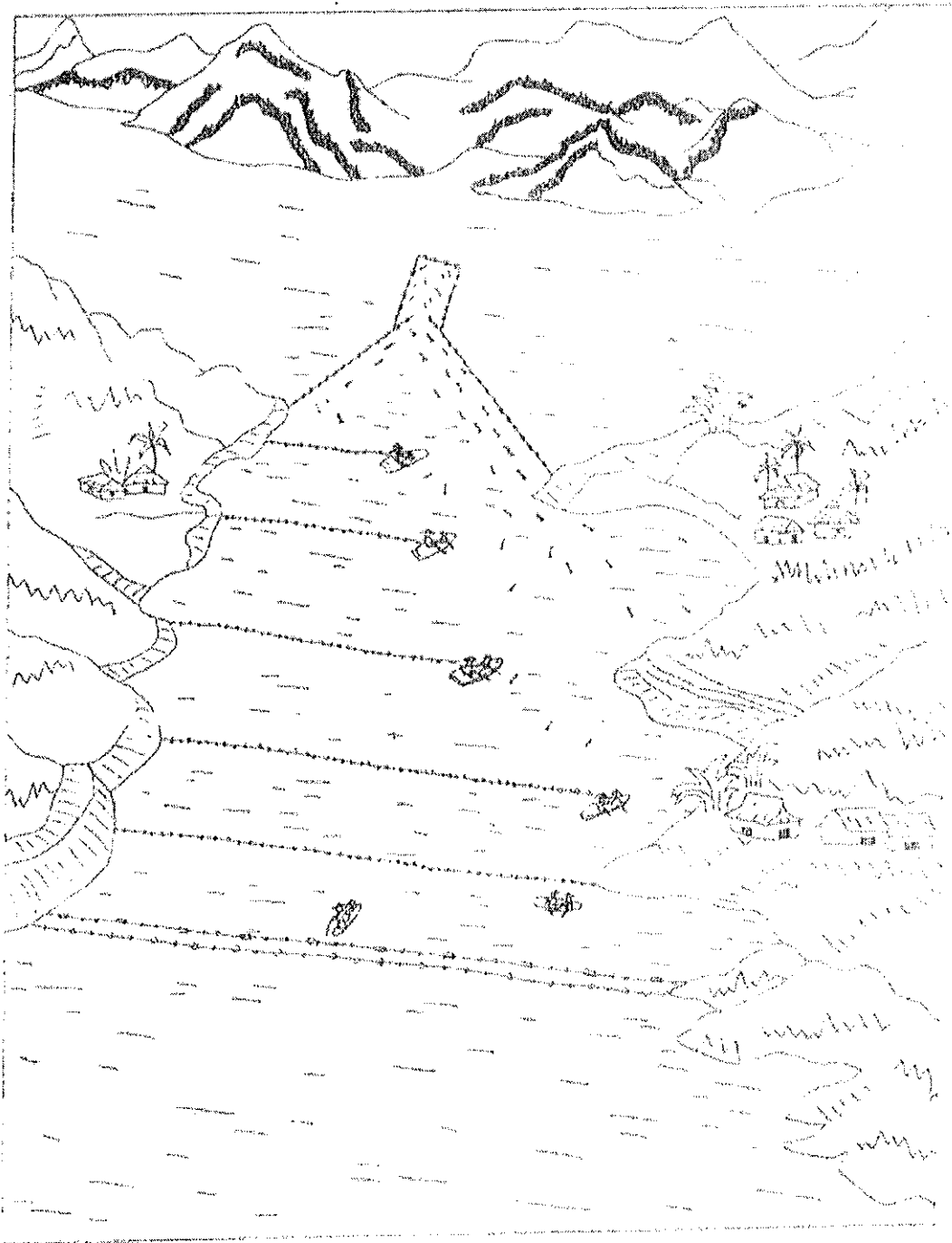
Các bộ phận của lưới chắn

1-Phao; 2-giềng phao; 3-dây thủy khấu; 4-áo
lưới; 5-giềng biên; 6-giềng chì; 7-viên chì



Hình phối cảnh lưới chuồng

1-Lưới đáy; 2-lưới tường bên; 3-phao sanh; 4-lưới hom; 5-lưới nắp; 6- lưới cánh; 7-phao sanh; 8- neo và dây neo; 9-dây ngang miệng; 10-đá dẫn miệng; 11-cửa hom; 12-dây chéo miệng; 13-giềng phao



Sơ đồ khai thác cá hồ chứa bằng phương pháp liên hợp

e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù là Trung tâm sản xuất, cung cấp giống cho nuôi trồng thủy sản trên khắp địa bàn miền Trung. Trung tâm đã chủ động nghiên cứu đưa vào sản xuất hàng hóa nhiều loại cá nước ngọt, nước lợ và đã tạo được nhiều thành tựu góp phần vào việc phát triển ngành thủy sản tại khu vực.

- Nghiên cứu và sinh sản nhân tạo thành công rô phi đơn tính dòng Gift

Năm 2004, Trung tâm đã nghiên cứu thành công đối tượng này. Đây là đối tượng sản xuất chính của Trung tâm cung cấp cho thị trường trong tỉnh và khu vực. Rô phi đơn tính dòng Gift Phú Ninh là thương hiệu có uy tín trên thị trường.

- Sản xuất giống thành công giống mới và đưa vào sản xuất đại trà từ năm 2005 đến nay như: Tôm càng xanh (2005), cá rô đồng (2006), cá Bống tượng (2005), Éch Thái Lan 92005), cá Tra (2007), cá Lóc Bông (2008), cá Thác lát cườm (2009), cá chép V1(2010), cá Diêu Hồng (2010), cá Trắm đen (2012), Cá Koi (2013), Luon đồng (2016), cá Leo(2017), cá Chạch lấu (2018)...

- Di giống, thuần hóa, sinh sản nhân tạo, thả tái tạo nguồn lợi và đa dạng sinh học ở các thủy vực nước ngọt tự nhiên và hồ Phú Ninh (các đối tượng này không phân bố tự nhiên ở Quảng Nam) như: Tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*); Ba ba gai (*T. steinachderi*); Éch Thái Lan (*Rana rugulosa* Weigmann); Cá Tra (*Panganodon hypophthalmus*); cá Trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*); cá còm (cá nạng hai - *Notopterus chitala ornate*); Cá rô phi dòng Gift (*Oreochromis niloticus*); Cá Mè Vinh (cá Bạc Lâu - *Barbodes gonionotus*); Cá Leo (*Wallago attu*); Cá Lãng vàng (*Mystus nemurus*); Cá Lãng đuôi đỏ (*Mystus wyckoides*); Cá Lãng chấm (*Hemibagrus guttatus*); Cá Lãng nha (*Mystus wolffii*); cá Bống tượng (*Oxyeleotris marmoratus*), Cá Chim trắng (*Pampus argentatus*); Cá Chạch lấu (*Mastacembelus armatus*); Cá Hồ (*Catlocarpio siamensis*); Cá Trôi Việt (*Cirrhina molitorella*); Cá Trôi Ấn (*Labelo rohita*); Cá Rô đầu vuông (*Anabas testudineus*); Cá Koi (*Cyprinidae carpio*)...

Trong hơn 15 năm qua, Trung tâm đã di giống và thuần hóa trên 20 loài thủy sản nước ngọt để thả tái tạo vào thủy vực tự nhiên ở Quảng Nam - đặc biệt thả vào hồ Phú Ninh góp phần đa dạng sinh học, tiến tới để hồ Phú Ninh thành Khu bảo tồn thủy sinh nước ngọt theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh. Trong đó, một số đối tượng di giống, thuần hóa có khả năng sinh sản trong tự nhiên như: Tôm càng xanh; Cá Bống tượng; Cá rô phi dòng Gift; Cá Bạc Lâu; Cá Lãng các loại; Cá Koi.

f. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa của Trung tâm được ban hành tại Quyết định số 90/QĐ-GTS ngày 27/10/2014 của Giám đốc Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về Ban hành tiêu chuẩn chất lượng cơ sở hàng hóa chuyên ngành Giống Thủy sản và Thông báo số 307/TB-NTTS ngày 02/12/2014 của Chi cục trưởng Chi cục NTTS Quảng Nam về việc Thông báo tiếp nhận bảng công bố tiêu chuẩn cơ sở chất lượng Giống Thủy sản (có hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa Giống Thủy sản) đối với sản phẩm tiêu thụ trên địa bàn tỉnh. Đối với sản phẩm tiêu thụ ngoài tỉnh đơn vị phối hợp với

Chi cục Thú Y Quảng Nam và Cục Thú Y vùng IV kiểm tra đánh giá chất lượng hàng hoá trước khi giao cho các tổ chức cá nhân ở ngoài tỉnh.

g. Hoạt động Marketing

Uy tín Trung tâm được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng dịch vụ, sản phẩm Trung tâm cung cấp. Trung tâm xác định được tầm quan trọng của Marketing trong nền kinh tế thị trường, vì vậy, dự kiến sau khi cổ phần hóa, Trung tâm sẽ tiến hành đầu tư đúng mức cho hoạt động này, đưa ra chiến lược marketing phù hợp cho từng thời kỳ, góp phần mang lại thành công của Trung tâm trong việc tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh.

h. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động mang tính chất phục vụ là chủ yếu, Trung tâm hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng. Dự kiến sau khi cổ phần hóa, Trung tâm sẽ tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

DVT: Đồng

TT	Lĩnh vực hoạt động	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian t/h HĐ	Đơn vị ký kết
1	Nuôi trồng Thủy sản	40/HĐKT-KNNL	18.360.000	07/05/2018 đến 30/10/2018	Trung tâm Khuyến ngư Nông lâm TP Đà Nẵng
2	Nuôi trồng Thủy sản	76/HĐ – KT	7.000.000	21/05/2018	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nông Sơn
3	Nuôi trồng Thủy sản	08/HĐ – NN&PTNT	167.992.920	10/10/2018 đến 10/11/2018	Phòng NN&PTNT huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam

(Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá

Bảng 10: Tình hình thu chi của Trung tâm 2016 – 2018

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
I	Phần thu	Tr. đồng	1.979	1.775	
1	Thu sự nghiệp dịch vụ		1.979	1.775	1.872

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1.1	Thu từ hoạt động sản xuất và dịch vụ giống TS nước ngọt	Tr. đồng	1.395	1.159	1.386
1.2	Thu từ hoạt động khai thác cá mè hồ Phú Ninh		584	617	486
	Thu từ hoạt động dịch vụ khác	Tr. đồng	-	-	
2	Thu lệ phí	Tr. đồng	-	-	
3	Nguồn thu phí	Tr. đồng	-	-	
4	Nguồn thu hợp pháp khác		-	-	
II	Tổng chi	Tr. đồng	1.979	1.775	1.872
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	Tr. đồng	1.979	1.775	1.872
2	Chi từ nguồn thu phí để lại	Tr. đồng	-	-	
3	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác	Tr. đồng	-	-	
III	Chênh lệch thu - chi	Tr. đồng	-	-	

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố thuận lợi và không ít yếu tố khó khăn trong sản xuất dịch vụ của Trung tâm.

a. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Nam tạo điều kiện cho Trung tâm nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để sản xuất các đối tượng giống mới phục vụ cho lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh và khu vực.

Có sự đoàn kết, nhất trí cao giữa Lãnh đạo trung tâm và các Phòng, Trạm chuyên môn nghiệp vụ và CBVC-NLĐ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao và sản xuất dịch vụ.

Trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo Trung tâm; cán bộ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng cao và chuyên nghiệp. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính

quyền, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và tạo sự đồng thuận trong CBVC-NLĐ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đơn vị.

Cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị đầy đủ, điều kiện tự nhiên và nguồn nước thuận lợi trong lĩnh vực sản xuất giống, cũng như khai thác nguồn lợi thủy sản trong hồ Phú Ninh

b. Khó khăn

Do biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết nóng lên quá ngưỡng so với đối tượng, ngành nghề mà đơn vị đang hoạt động. Nhất là đối với lĩnh vực sản xuất giống thủy sản (động vật biến nhiệt), do đó, kế hoạch sản xuất và dịch vụ luôn bị động và chịu nhiều rủi ro.

Mặc dầu, được UBND tỉnh giao quản lý bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản ở hồ Phú Ninh, nhưng hiệu quả khai thác năng suất không cao, thu chỉ bù đắp chi phí (cá giống thả hồ, trang bị ngư lưới cụ, nhiên liệu, nhân công...). Nguyên nhân do thượng nguồn của hồ có 08 xã dân cư sinh sống và thường xuyên khai thác trái phép bằng nhiều hình thức, đặc biệt khai thác huỷ diệt bằng xung điện, rở quây, chất nổ ... làm cho năng suất sinh học của hồ giảm đi đáng kể, mặc dầu đơn vị cùng đã phối hợp với Đoàn công an Phú Ninh thường xuyên công tác bảo vệ trong hồ nhưng cũng chưa cải thiện được vấn đề này.

Một bộ phận lao động chưa xác định đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể; làm việc với năng suất, chất lượng thấp, do vậy ảnh hưởng đến hoạt động chung của Trung tâm.

IX. VỊ THẾ CỦA ĐƠN VỊ SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

1. Vị thế của Đơn vị trong ngành

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam là đơn vị sự nghiệp công lập phụ trách nhân giống, cung cấp giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và các vùng lân cận.

Trong suốt những năm hoạt động và kinh doanh Trung tâm đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Trung tâm đã có những cố gắng và nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực hoạt động cũng như sự tín nhiệm của khách hàng.

Nhìn chung, do đặc thù ngành, Trung tâm là doanh nghiệp hoạt động tốt với nhiều năm kinh nghiệm.

2. Triển vọng phát triển của ngành

Thủy sản là một trong những ngành sản xuất kinh doanh, một ngành hoạt động kinh tế nằm trong tổng thể kinh tế - xã hội của loài người. Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm cho nhân loại, không những thế nó còn là một ngành kinh tế tạo cơ hội

công ăn việc làm cho nhiều cộng đồng nhân dân đặc biệt là ở vùng nông thôn và vùng ven biển. Nhu cầu thủy sản cho nhân loại ngày càng tăng trong khi nguồn lợi của các tài nguyên này lại có giới hạn và đã bị khai thác tới trần, vì vậy ngành nuôi trồng thủy sản phát triển để bù đắp vào những thiếu hụt đó.

Xét về nhu cầu thủy sản, ngành nuôi trồng thủy sản có nhiều tiềm năng. Về dài hạn, theo đánh giá của liên hợp quốc, dân số thế giới dự kiến đạt 9.2 tỷ người vào năm 2050. Hoạt động sản xuất thực phẩm cần tăng thêm 60% vào năm 2030 để đáp ứng đủ cho lượng người ăn ngày càng tăng. Trong đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Theo dự báo trong báo cáo tổ chức lương thực thế giới, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng từ 49% năm 2012 lên 62% năm 2030.

Mặc dù vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn, tuy nhiên thị trường thủy sản Việt Nam kỳ vọng sẽ có nhiều bước cải thiện và tích cực. Theo đó, Chính phủ và người dân sẽ cùng nhau phối hợp để đưa ngành thủy sản Việt Nam nói chung và các sản phẩm thủy sản trong nước nói riêng đạt các tiêu chuẩn hội nhập và cạnh tranh với các thị trường các nước xuất khẩu khác.

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Trung tâm xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể gồm tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực nhằm nâng cao kết quả hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quản lý chất lượng và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên để dịch vụ đạt hiệu quả cao, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Định hướng phát triển của Trung tâm được xây dựng hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành, dựa trên kết quả tìm hiểu nhu cầu thị trường về các lĩnh vực thủy sản cũng như định hướng chính sách của Nhà nước.

X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, định hướng phát triển của Công ty cổ phần như sau:

- Cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam nhằm thực hiện chủ trương của Nhà nước hướng đến mục tiêu chuyển hình thức Nhà nước sở hữu 100% vốn sang hình thức đa sở hữu, đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức quản trị doanh nghiệp, tái cơ cấu lại tình hình tài chính, đồng thời huy động thêm nguồn vốn từ các nhà đầu tư và vốn xã hội để đầu tư phát triển hoạt động sản xuất – dịch vụ giống thủy sản.

- Xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm về tính bảo toàn và phát triển nguồn vốn được Nhà nước giao một cách tốt nhất cũng như các lợi ích kinh tế khác. Đảm bảo được thể chủ động trong kinh doanh, tập trung sâu về chuyên môn, lĩnh vực kinh doanh đồng thời đa

dạng hóa trên các lĩnh vực hoạt động tạo thế phát triển mạnh, bền vững, phù hợp với luật Doanh nghiệp và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc, công tác quản lý nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động. Đảm bảo phát triển doanh nghiệp bền vững và không ngừng nâng cao vị thế của Công ty trong nước cũng như trên thị trường quốc tế.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn trách nhiệm, công việc và quyền lợi của các cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của các cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 – 2022

Bảng 11: Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 – 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
I	Vốn điều lệ	Đồng	9.400.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
II	Doanh thu thuần	Đồng	2.140.000.000	2.292.000.000	2.530.000.000
1	Doanh thu từ bán cá giống	Đồng	1.500.000.000	1.575.000.000	1.650.000.000
2	Doanh thu từ khai thác cá trên hồ Phú Ninh	Đồng	540.000.000	567.000.000	630.000.000
3	Doanh thu từ dịch vụ du lịch (dịch vụ ăn uống, câu cá sinh thái...)	Đồng	100.000.000	150.000.000	250.000.000
	<i>Mức tăng trưởng doanh thu</i>		<i>14,26%</i>	<i>7,10%</i>	<i>10,38%</i>
III	Tổng chi phí	Đồng	1.810.000.000	1.942.000.000	2.110.000.000
IV	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	330.000.000	350.000.000	420.000.000
	<i>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu (%)</i>		<i>15,42%</i>	<i>15,27%</i>	<i>16,60%</i>
	<i>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ (%)</i>		<i>3,51%</i>	<i>3,72%</i>	<i>4,47%</i>
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	66.000.000	70.000.000	84.000.000
VI	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	264.000.000	280.000.000	336.000.000

	<i>Suất sinh lợi của Doanh thu (LNST/Doanh thu)</i>		12,34%	12,22%	13,28%
	<i>Tỷ suất LN sau thuế/vốn điều lệ (%)</i>		2,81%	2,98%	3,57%
1	Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	Đồng	26.400.000	28.000.000	33.600.000
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế)	Đồng	26.400.000	28.000.000	33.600.000
3	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức	Đồng	211.200.000	224.000.000	268.800.000
	<i>Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ(%)</i>		2,25%	2,38%	2,86%
VII	Lao động và thu nhập				
1	Tổng số lao động	Người	15	15	15
2	Tổng quỹ lương	Đồng	730.000.000	760.000.000	790.000.000
3	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng/người/tháng	5.000.000	5.200.000	5.400.000

Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam

❖ Những thuận lợi và khó khăn sau cổ phần hóa

Thuận lợi

Chuyển đổi Đơn vị sự nghiệp Công lập thành công ty cổ phần tạo nên một sự chuyển đổi mạnh mẽ trong phương thức quản lý điều hành, phát triển kinh doanh, đa dạng hóa dịch vụ, phát triển quy mô, đổi mới công nghệ, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đơn vị sẽ mạnh dạn huy động vốn từ các nguồn khác nhau để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Công tác tổ chức lại bộ phận sản xuất sẽ thực hiện linh hoạt theo tình hình sản xuất của Công ty.

Khó khăn

Sẽ phải mất một thời gian ban đầu để ổn định, tổ chức lại sản xuất theo tình hình mới của Công ty cổ phần nên ảnh hưởng tư tưởng của người lao động.

Quy trình hoạt động còn chưa được nhanh gọn, linh hoạt, tốc độ xử lý thông tin quản trị đơn vị còn chậm.

Vẫn còn một số người lao động tuy trẻ, có năng lực nhưng do cơ cấu ngành nghề hoạt động nên còn yếu về kiến thức thực tiễn trong tình hình mới.

Tài sản không cổ phần hóa, bao gồm: nhà thao tác lưới, nhà kho, bãi đá bến cảng du lịch Phú Ninh và bãi đá bến cảng trong hồ. Đây là các tài sản gắn liền với phần đất không có trong phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa nên các tài sản này sẽ được điều chuyển sang đơn vị khác quản lý khi Trung tâm chuyển sang công ty cổ phần. Điều này gây khó khăn trong việc thả cá giống, tu sửa ngư lưới cụ, phương tiện ghe thuyền và quản lý, khai thác cá thịt tại hồ chứa nước Phú Ninh; Ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đây là một trong những nhiệm vụ và nguồn thu chính của Công ty cổ phần.

XI. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

Căn cứ Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần là 9.400.000.000 đồng, trong đó:

Bảng 12: Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Cổ đông	SL CP sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn Điều lệ (%)
1	Nhà nước	47.000	470.000.000	5,00%
2	Người lao động	47.000	470.000.000	5,00%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc (khoản 1 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015)</i>	29.000	290.000.000	3,09%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài (khoản 2 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015)</i>	18.000	180.000.000	1,91%
3	Công đoàn Công ty	-	-	0,00%
4	Nhà đầu tư chiến lược	-	-	0,00%
5	Nhà đầu tư khác	846.000	8.460.000.000	90,00%
	Tổng	940.000	9.400.000.000	100,00%

Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam

2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần: Không có

XII. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

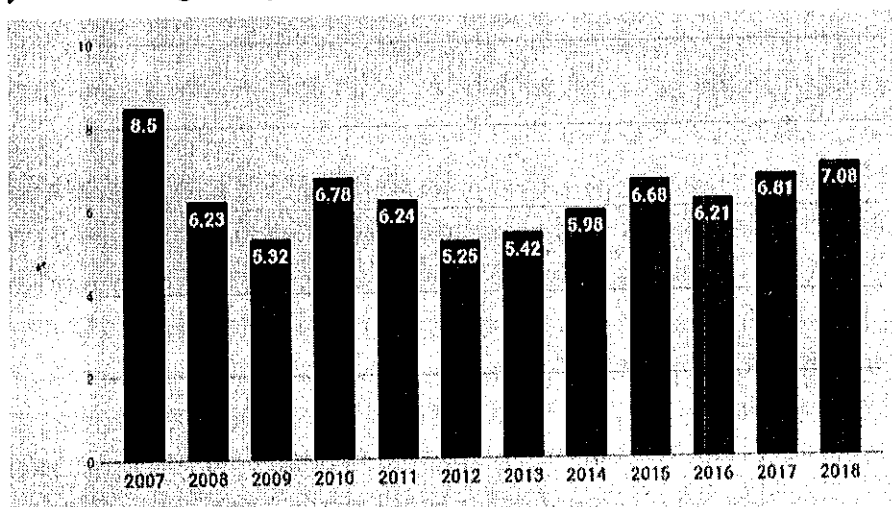
Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm nay đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2008. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2012-2018. Trong đó, ngành nông nghiệp tiếp tục phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 2,89%, cao nhất giai đoạn 2012-2018.

Năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6% (cao hơn 0,5 điểm % so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Xét ở Việt Nam, GDP 2017 ước tăng 6,7%, cao hơn khoảng 0,5 điểm % so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế. Trong 0,5 điểm % tăng thêm của tăng trưởng năm 2017 so với năm 2016, khu vực dịch vụ đóng góp nhiều nhất với 0,26 điểm % nhờ kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán buôn bán lẻ và ngành du lịch, tiếp theo là khu vực nông, lâm, thủy sản với 0,23 điểm %, và cuối cùng khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 0,04 điểm %. Đáng chú ý là trong bối cảnh ngành khai khoáng tiếp tục giảm sâu, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã có mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây để trở thành động lực dẫn dắt khu vực công nghiệp và xây dựng duy trì mức tăng tương đương năm 2016.



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng GDP nhanh sẽ kéo theo tăng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và ngược lại. Do đó, những biến động của chỉ số GDP ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty nói chung và Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam nói riêng.

❖ **Lạm phát:**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017 và tăng 2,98% so với tháng 12 năm 2017. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018.

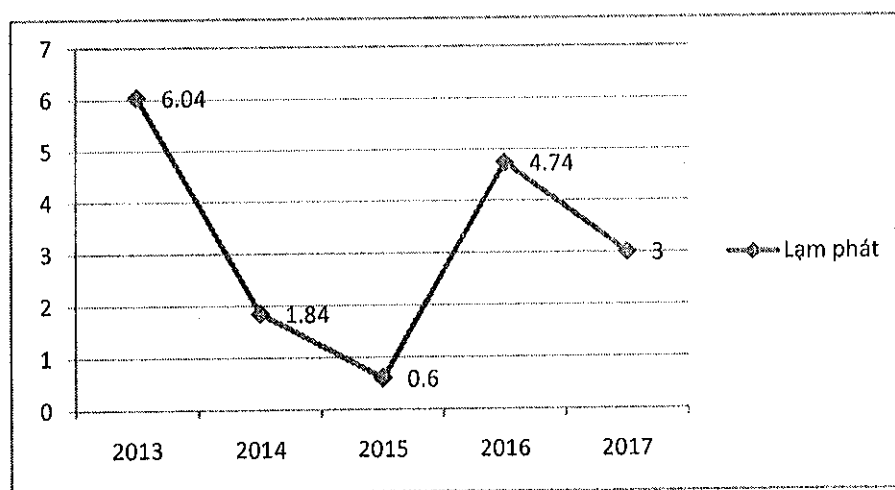
Lạm phát tổng thể của Việt Nam năm 2017 ước tăng khoảng 3% so với năm 2016, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiết lập rõ nét.

Lạm phát thấp hơn so với năm 2016 do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Cụ thể: Giá dịch vụ y tế tăng khoảng 45% và giáo dục tăng khoảng 8% so với cùng kỳ, ước làm CPI tổng thể tăng 2,1 điểm % (thấp hơn mức 3,1 điểm % năm 2016). Trong khi đó, giá thực phẩm giảm mạnh trong những tháng đầu năm đã góp phần làm CPI tổng thể giảm khoảng 0,7 điểm % so với năm 2016.

Ở chiều ngược lại, do chịu tác động của sự tăng giá dầu và giá sắt thép trên thế giới, nhóm giao thông và nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng trong năm 2017 cũng đã tăng lần lượt 5% và 7% so với năm trước, đóng góp làm CPI tổng thể tăng khoảng 0,81 và 0,49 điểm %.

Năm 2017 là năm thứ 3 liên tiếp lạm phát cơ bản duy trì ổn định ở mức dưới 2% (năm 2017: 1,7%; năm 2016: 1,87%; năm 2015: 1,69%). Về phía chi phí đẩy, chi phí sản xuất không có sự gia tăng đáng kể (9 tháng đầu năm 2017 chỉ số giá sản xuất tăng 0,71% so với cùng kỳ năm trước).

Tốc độ lạm phát qua các năm (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức dưới hai con số sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của Trung tâm Giống Thủy

sản Quảng Nam, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây ra không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Công ty hoạt động trong dưới thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chung cũng như chuyên ngành đều chưa chặt chẽ và thống nhất. Những quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại... cũng như các quy định khác liên quan tới ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp một cách trực tiếp hay gián tiếp.

3. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ khí hậu. Thời tiết những năm gần đây diễn biến phức tạp, gây bất lợi cho người nuôi trồng thủy sản.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đầu giá.

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: rủi ro do hoả hoạn, rủi ro thiên tai... Những rủi ro này có thể sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần.

XIII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

1.1. Bán cổ phần cho người lao động

a. Cổ phần bán ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị đơn vị: 20 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 20 người.
- Tổng số năm công tác được mua cổ phần: 290 năm, tương ứng với tổng số cổ

- phần tối đa được mua ưu đãi là: 29.000 cổ phần.
- Số cổ phần được mua tối đa cho một năm công tác của 01 người lao động: 100 cổ phần/năm.
- Tổng số cổ phần bán cho người lao động ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước: 29.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3.09 % vốn điều lệ.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá công khai.

b. Cổ phần bán ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu như sau:
 - + Mua thêm mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động:
 - Số người được mua: 09 người
 - Số cổ phần đã đăng ký: 18.000 cổ phần
 - + Mua thêm 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người đối với đối tượng là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập:
 - Số người được mua: 0 người
 - Số cổ phần đã đăng ký: 0 cổ phần
- Tổng số lao động có cam kết tiếp tục làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (36 tháng) kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi theo mô hình Công ty cổ phần là: 11 người.
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi thêm: 47.000 cổ phần, chiếm 5,00 % vốn điều lệ.
- Giá bán: là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá công khai.

1.2. Cổ phần bán ưu đãi cho Công đoàn

Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn là 0 cổ phần, với tổng mệnh giá là 0 đồng, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Ban chấp hành Công đoàn Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam đã có Công văn gửi Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Sở Tài chính xem

xét năng lực tài chính của Công đoàn và đã có kết luận không đủ điều kiện để mua cổ phần ưu đãi và đã thông qua Hội nghị CBVC-NLĐ Trung tâm với tỷ lệ biểu quyết là 100%.

1.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam không thuộc nhóm các doanh nghiệp mà Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa. Vì vậy, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam không thuộc nhóm đối tượng cần tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

1.4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

a. Đối tượng bán cổ phần

Nhà đầu tư thông thường trong nước, nước ngoài (quy định tại Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg), bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong Công ty) ngoại trừ các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, không được tham gia đấu giá mua cổ phần do đơn vị phát hành lần đầu gồm: Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa (trừ các thành viên là đại diện của các đơn vị sự nghiệp công lập), các tổ chức tài chính trung gian, các cá nhân trực tiếp tư vấn, định giá, đấu giá bán cổ phần của đơn vị sự nghiệp công lập không được tham gia đấu giá mua cổ phần phát hành lần đầu của đơn vị đó.

b. Phương thức bán cổ phần

Đấu giá công khai thông qua Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung.

c. Khối lượng bán cổ phần

Số cổ phần bán đấu giá công khai cho các Nhà đầu tư là: 846.000 cổ phần, có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần: 8.460.000.000 đồng (tám tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu đồng), chiếm 90,00 % vốn điều lệ.

d. Giá khởi điểm: 10.000 đồng/ cổ phần

e. Thời gian, địa điểm tổ chức bán cổ phần

Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung ban hành.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với người lao động: Theo thông báo bán cổ phần cho người lao động do Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam ban hành.

- Đối với nhà đầu tư trúng đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung ban hành.

XIV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu và sử dụng tiền từ bán cổ phần chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm (10.000 đồng/cổ phần) và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, giá bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên là 6.000 đồng/cổ phần):

Bảng 13: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	a	9,404,165,409
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	b	9,400,000,000
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	c	8,814,000,000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		354,000,000
	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (mua theo giá bán là 6.000 đồng/cổ phần)</i>		174,000,000
	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần</i>		180,000,000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		-
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		-
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		8,460,000,000
4	Phần chênh lệch giữa giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán với vốn điều lệ	d = a-b	4,165,409
5	Chi phí cổ phần hoá dự kiến	e	320,950,000
6	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	f	239,457,372
7	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh Nghiệp	g = c + d - e - f	8,257,758,037

Nguồn: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam

XV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá****Ông Ngô Tấn**

Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Nam, Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế đơn vị tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt.

2. Đơn vị cổ phần hoá: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam**Ông Bùi Quang Minh**

Chức vụ: Giám đốc

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK – CHI NHÁNH MIỀN TRUNG**Ông Nguyễn Trung Kiên**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank -- Chi nhánh Miền Trung tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam cung cấp.

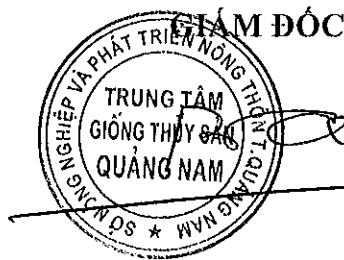
Quảng Nam ngày 28 tháng 10 năm 2019

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM
TRƯỞNG BAN
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT



NGÔ TẤN

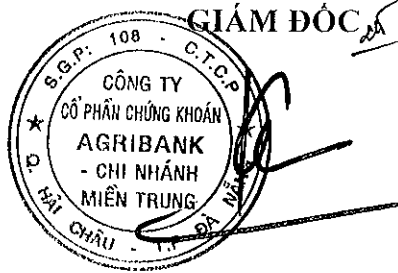
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HOÁ
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM



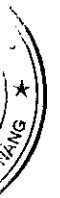
BÙI QUANG MINH

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG



NGUYỄN TRUNG KIÊN



Đà Nẵng, ngày 05 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK – CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBCK ngày 06/07/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần ra công chúng;

Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 15/06/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cổ phần hóa, lựa chọn thời điểm khóa sổ xác định giá trị đơn vị và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt giá trị đơn vị của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để thực hiện cổ phần hoá;



Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt phương án cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

Biên bản làm việc ngày 04/11/2019 giữa đại diện Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung, Ban chỉ đạo CPH Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban đấu giá, các cá nhân, tổ chức tham gia bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo CPH Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;
- Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;
- Lưu : KTTH, TVDN.



**QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN RA CÔNG CHỨNG CỦA
TRUNG TÂM GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 419/2019/QĐ/AGR-CNMT ngày 05 tháng 11 năm 2019)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam được thực hiện qua Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị cổ phần hóa* là Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;
2. *Bán đấu giá cổ phần* là hình thức bán cổ phần của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam công khai cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá;
3. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg) và Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP);
4. *Cơ quan quyết định cổ phần hóa* là Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam;
5. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam;
6. *Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần* là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung;
7. *Tổ chức tư vấn bán cổ phần* là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung;
8. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng;
9. *Giá khởi điểm* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá;
10. *Bước giá* là khoảng cách giá giữa các lần đặt mua liên tiếp;
11. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp;
12. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá;

13. *Tiền đặt cọc* là một khoản tiền của nhà đầu tư tham gia mua cổ phần ứng trước để đảm bảo quyền mua cổ phần;

14. Cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá bao gồm số lượng cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Không có nhà đầu tư nào đăng ký mua;
- b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần;
- c) Sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua;
- d) Đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai.

15. Cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công là cuộc đấu giá thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 40/2018/TT-BTC), bao gồm những trường hợp sau:

- a) Không có nhà đầu tư đăng ký tham gia;
- b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia;
- c) Tất cả các nhà đầu tư không nộp phiếu tham dự đấu giá;
- d) Tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

16. *Ban tổ chức đấu giá* là tổ chức do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung thành lập để thực hiện việc bán đấu giá cổ phần và các công việc liên quan theo quy định;

17. *Hội đồng bán đấu giá cổ phần* là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa - Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, đại diện đơn vị đấu giá – Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, đại diện Ban tổ chức đấu giá – Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung, đại diện tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung và đại diện nhà đầu tư (nếu có). Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa hoặc thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền;

18. *Ngày kết thúc cuộc đấu giá* là ngày nhập xong các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư vào hệ thống và đã xác định được kết quả đấu giá.

19. *Ngày kết thúc việc bán cổ phần* là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chỉ đạo cổ phần hóa

1. Gửi Đơn đăng ký bán đấu giá và các tài liệu liên quan đến cổ phần hóa cho Công

ty cổ phần Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung theo mẫu và danh mục tài liệu quy định tại Phụ lục số 5 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC, đồng gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện đồng thời việc đăng ký bán đấu giá bán cổ phần với đăng ký mã cổ phần, đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch số cổ phần trúng đấu giá;

2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần khi doanh nghiệp thực hiện bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;

3. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến cổ phần hóa. Thực hiện công bố, cung cấp cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá thông tin đầy đủ, chính xác về Đơn vị cổ phần hóa trước khi bán cổ phần theo quy định. Trường hợp Ban chỉ đạo cổ phần hóa uỷ quyền cho tổ chức tư vấn bán cổ phần soạn thảo bản thông tin về Đơn vị cổ phần hóa thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của bản thông tin về Đơn vị cổ phần hóa;

4. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố công khai cho nhà đầu tư và trên cổng thông tin điện tử Chính phủ thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá theo các nội dung tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

5. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thuyết trình về Đơn vị cổ phần hóa cho các nhà đầu tư (nếu cần);

6. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

7. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

8. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá công bố kết quả đấu giá cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;

9. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

10. Chịu trách nhiệm xử lý đối với số lượng cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá cổ phần theo quy định;

2. Kiểm tra tính hợp lệ của các hòm phiếu và phiếu tham dự đấu giá;

3. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Đơn vị cổ phần hóa

1. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp (bao gồm cả phương án cổ phần hóa, dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần) cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trước khi bán cổ phần;

3. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp và thông tin về cuộc đấu giá cổ phần chậm nhất 20 ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá theo khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

5. Lưu trữ Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần và Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư sau khi hoàn thành đợt đấu giá;

6. Thực hiện công bố công khai trên cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để theo dõi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP bao gồm:

- Lộ trình và tiến độ triển khai cổ phần hóa;
- Các thông tin về doanh nghiệp (trong đó có phương án sử dụng đất đã được phê duyệt, các diện tích đất đang có tranh chấp cần tiếp tục giải quyết - nếu có);
- Các vấn đề về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa, phương pháp định giá và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp;
- Phương án cổ phần hóa, tình hình và kết quả triển khai phương án cổ phần hóa;
- Tình hình quản lý và sử dụng đất đai;
- Phương án sắp xếp và mua cổ phần của người lao động;
- Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp), Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam có trách nhiệm đăng ký thông tin chính thức với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, bao gồm: thông tin về tổ chức phát hành cổ phần; thông tin về cổ phần phát hành; thông tin về danh sách tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần và số lượng cổ phần sở hữu, bao gồm cả số cổ phần đã bán cho nhà đầu tư chiến lược, tổ chức công đoàn và người lao động.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

1. Yêu cầu Ban chỉ đạo cổ phần hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về cổ phần hóa theo quy định;

2. Thành lập Ban tổ chức đấu giá theo quy định;

3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

4. Xây dựng và ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và quy chế bán đấu giá cổ phần;

5. Thông báo với Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Đơn vị cổ phần hóa về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá;

6. Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này. Trường hợp

thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cung cấp thì Tổ chức thực hiện bán đấu giá chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

7. Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này và các vấn đề khác liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần;

8. Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá cổ phần về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá;

9. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả đấu giá chính thức;

10. Tổ chức đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;

11. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

12. Phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hoá công bố kết quả đấu giá cổ phần, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này và thu tiền mua cổ phần theo quy định;

13. Chuyển tiền thu từ bán cổ phần và tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) theo Điều 18, Điều 22 Quy chế này;

14. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phần;

15. Thông báo với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

16. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về Đơn vị cổ phần hóa và cuộc đấu giá theo quy định;

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần cho tổ chức đấu giá theo Phụ lục số 7a hoặc Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC và nhận Phiếu tham dự đấu giá;

3. Thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư tại công ty cổ phần và các quy định pháp luật liên quan trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá mua cổ phần;

4. Nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm;

5. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

6. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định;

7. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;

8. Tuân thủ các nội dung tại Quy chế đấu giá này.

Điều 9. Công bố thông tin

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Đơn vị cổ phần hóa thông báo về việc bán đấu giá theo Phụ lục số 6 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá. Việc thông báo được thực hiện trên các phương tiện sau đây:

a) Ba (03) số liên tiếp của các báo: Báo Đầu tư và Báo Quảng Nam;

b) Website của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đơn vị cổ phần hóa (nếu có), Tổ chức tư vấn (nếu có):

www.agriseco.com.vn;

c) Cổng thông tin điện tử Chính phủ: <http://doimoidoanhnghiep.chinhphu.vn/>;

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Đơn vị cổ phần hóa công bố thông tin liên quan đến Đơn vị cổ phần hóa và đợt đấu giá chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Thông tin liên quan đến đơn vị cổ phần hoá theo Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

- Phương án cổ phần hoá;

- Dự thảo điều lệ của công ty cổ phần;

- Mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo Phụ lục số 7a, 7b kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

- Quy chế bán đấu giá cổ phần của đơn vị;

- Các thông tin liên quan khác đến cuộc đấu giá theo quy định.

b) Địa điểm công bố thông tin

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: CTCP Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung.

+ Địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, p. Hòa Cường Bắc, q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng;

+ Website: <http://www.agriseco.com.vn>;

- Cơ quan đại diện Chủ sở hữu: Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam;

+ Địa chỉ: 62 Hùng Vương, phường Tân Thạnh, Tam Kỳ, Quảng Nam;

- Đơn vị cổ phần hóa: Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam;

+ Địa chỉ: Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Điều 10. Đối tượng tham gia đấu giá

1. Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP; Điều 4 Quyết định 22/2015/QĐ-TTg và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với nhà đầu tư trong nước

- Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng

lực hành vi dân sự;

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ.

b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với tổ chức và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

- Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

- Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

- Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

c) Các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận uỷ thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận uỷ thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

2. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, bao gồm các đối tượng sau:

a) Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, Tổ giúp việc cổ phần hóa đơn vị (trừ các thành viên là đại diện đơn vị);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

d) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

đ) Người có liên quan theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 của tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này.

Điều 11. Các thông tin cơ bản về phương án bán cổ phần

Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần xác định:

1. Số lượng cổ phần chào bán: **846.000 (Tám trăm bốn mươi sáu ngàn) cổ phần;**
2. Loại cổ phần chào bán: **cổ phần phổ thông;**
3. Mệnh giá: **10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần;**
4. Giá khởi điểm: **10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần;**

5. Bước giá: **1 (Một) đồng;**
 6. Bước khối lượng: **1 (Một) cổ phần;**
 7. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: **1 cổ phần** và phải đăng ký theo bội số của 1 cổ phần;
 8. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa đối với tổ chức và cá nhân trong nước là **846.000 cổ phần;**
 9. Số lượng cổ phần tối đa đối với tổ chức và cá nhân nước ngoài là **846.000 cổ phần;**
- Tổng số lượng cổ phần các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua là: **846.000 cổ phần;**
10. Số mức giá: **01 (Một).**

Mỗi nhà đầu tư được phát một Phiếu đấu giá và chỉ được ghi tối đa một (01) mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá; Mức giá đặt mua phải là bội số của 1 đồng; Khối lượng đặt mua tối thiểu là 1 cổ phần và đặt theo bội số của 1 cổ phần; Giá đặt mua phải theo bội số của 1 đồng; **Tổng khối lượng đặt mua của mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký.**

Điều 12. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

1. Nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần

Nhà đầu tư nhận hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Nộp tiền đặt cọc

a) Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Tổ chức thực hiện bán đấu giá trước **16 giờ ngày 26 tháng 11 năm 2019:**

- Tên tài khoản: **Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung**

- Số tài khoản: **2001 201 111 798 Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Nam Đà Nẵng**

Nội dung nộp tiền đặt cọc/chuyển tiền đặt cọc: "*Họ và tên/Tên tổ chức, Số CMND/Số ĐKKD (ngày và nơi cấp); nộp tiền đặt cọc mua ... cổ phần (ghi rõ số lượng) đấu giá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam*

- b) Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.

3. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình các giấy tờ sau:

- a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước:

- Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy chế này, được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan công chứng, chứng thực có thẩm quyền, kèm theo xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền.

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước:
 - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/dăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;
 - Giấy uỷ quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nhận uỷ quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức;
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- c) Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước phải xuất trình:
 - Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối;
 - Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: **Từ 08 giờ ngày 06 tháng 11 năm 2019 đến 16 giờ ngày 26 tháng 11 năm 2019;**

- Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc: **CTCP Chứng khoán Agribank - Chi nhánh Miền Trung - Địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, p. Hòa Cường Bắc, q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng;**

b) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá.

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc huỷ đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp huỷ đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị huỷ đăng ký tham gia đấu giá gửi Tổ chức thực hiện bán đấu giá Phụ lục số 03 kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xoá hoặc rách nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm; tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung, Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, p. Hòa Cường Bắc, q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng): **Chậm nhất 15 giờ ngày 03/12/2019;**

- Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung, Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9,

p. Hòa Cường Bắc, q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng): **Chậm nhất 15 giờ ngày 03/12/2019;**

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Tổ chức thực hiện bán đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa, nhà đầu tư phải yêu cầu Tổ chức thực hiện bán đấu giá đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Quy chế này đề nghị Tổ chức thực hiện bán đấu giá cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 14. Địa điểm và thời gian tổ chức cuộc đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung, địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, p. Hòa Cường Bắc, q. Hải Châu, tp. Đà Nẵng.

2. Thời gian tổ chức đấu giá: **09 giờ 30 ngày 04 tháng 12 năm 2019.**

Điều 15. Xem xét các điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần sẽ kiểm tra và xác định rõ:

- a) Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;
- b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá;

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 16. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, Trường Ban tổ chức đấu giá hoặc người được uỷ quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

- a) Tên Đơn vị cổ phần hóa, vốn điều lệ dự kiến, tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần bán đấu giá công khai, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;
- b) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu giá;
- c) Giải thích về những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá

Đến thời điểm đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần;

3. Xác định kết quả đấu giá

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

a) Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm. Giá bán là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư, theo đó nhà đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó.

b) Tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, trường hợp các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng thầu thấp nhất thì số cổ phần của từng

nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\text{Số cổ phần nhà đầu tư được mua} = \text{Số cổ phần còn lại chào bán} \times \frac{\text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

c) Trường hợp phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

d) Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa, đại diện Đơn vị cổ phần hóa, đại diện Hội đồng bán đấu giá cổ phần và đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần lập và đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 17. Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư

1. Trong thời gian tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản xác định kết quả đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp công bố kết quả đấu giá cổ phần trên các website của Đơn vị cổ phần hóa, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Tổ chức tư vấn bán cổ phần (nếu có).

2. Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá trong vòng bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư không nhận kết quả tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư theo đường bưu điện ngay trong ngày làm việc tiếp theo (ngày làm việc thứ 05 kể từ ngày công bố kết quả đấu giá).

Điều 18. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn từ ngày **05/12/2019** đến ngày **13/12/2019**.

2. Nhà đầu tư được bù trừ tiền thanh toán mua cổ phần và tiền đặt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

a) Thanh toán tiền mua cổ phần: Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Tổ chức thực hiện bán đấu giá:

- Tên tài khoản: **Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung**

- Số tài khoản: **2001 201 111 798 Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Nam Đà Nẵng**

- Nội dung nộp tiền/chuyển tiền: *“Họ và tên/Tên tổ chức, Số CMND/Số ĐKKD (ngày và nơi cấp); thanh toán tiền mua ... cổ phần (ghi rõ số lượng) trúng đấu giá Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam.*

b) Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần về tài khoản của Đơn vị cổ phần hóa và Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

c) Trường hợp Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần theo quy định thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

- a) Không nộp Phiếu tham dự đấu giá;
- b) Phiếu tham dự đấu giá không hợp lệ theo khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;
- c) Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- d) Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần), nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;
- e) Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá, nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng đấu giá của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá cổ phần xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét, xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 20. Xử lý số cổ phần chưa bán hết trong cuộc đấu giá công khai

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định được số cổ phần không bán hết, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam để xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và khoản 3 Điều 9 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 21. Xử lý trường hợp cuộc đấu giá bán không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam về cuộc đấu giá không thành công để xử lý theo quy định.

Điều 22. Xử lý tiền đặt cọc

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm thanh toán hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư có tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá cổ phần (từ ngày 05/12/2019 đến ngày 12/12/2019).

2. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được bù trừ vào tổng số tiền thanh toán mua cổ phần. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Tổ chức thực hiện bán đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn

từ chối mua cổ phần.

3. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn trả do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo khoản 1 Điều 19 Quy chế này, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 23. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Ban tổ chức đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Đơn vị cổ phần hóa cung cấp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Stamp: S.G.P. 108 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG HẢI CHÂU - T.P. GIẢM ĐỌC 21

Handwritten signature: Nguyễn Trung Kiên

Phụ lục số 01
PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ
(Ban hành kèm theo Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm
Giống Thủy sản Quảng Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Mẫu số:..... (Do Hội đồng đấu giá cấp)

PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....

Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếuNgày cấpNơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Số tài khoản:Mở tại

Số cổ phần đăng ký mua:

Giá khởi điểm:

Ngày tổ chức đấu giá:

Số tiền đặt cọc đã nộp:(Bằng chữ:.....)

Ngày thanh toán:

Ngày trả tiền đặt cọc:

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá cổ phần của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam, tôi/chúng tôi đồng ý đấu giá mua cổ phần đã đăng ký với mức giá như sau:

STT lệnh	Mức giá đặt mua		Khối lượng cổ phần đặt mua
	Bằng số	Bằng chữ	
1			
Tổng số:			

Tên tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá
(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Phụ lục số 02
GIẤY ỦY QUYỀN
(Ban hành kèm theo Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng năm 20...

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội đồng bán Đấu giá.....

Tên tổ chức hoặc cá nhân:.....
Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấpNơi cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Tên người đại diện (đối với nhà đầu tư tổ chức):.....
CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấpNơi cấp.....
Do không có điều kiện tham dự trực tiếp đấu giá cổ phần tạiđược tổ chức vào ngày....., nay tôi:

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà):.....
CMND/Hộ chiếu.....Ngày cấpNơi cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....

Thay mặt tôi tham dự đấu giá cổ phần của Trung tâm ..., bao gồm các công việc sau:

1. Làm thủ tục đăng ký tham dự đấu giá (điền thông tin và ký nhận vào đơn, nộp tiền đặt cọc và nộp hồ sơ đăng ký tham gia mua cổ phần).
2. Ghi giá, khối lượng, ký nhận vào phiếu tham dự đấu giá và trực tiếp tham dự phiên đấu giá.

Ông (Bà) có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của Trung tâm..., không được uỷ quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người uỷ quyền.

Người được uỷ quyền
(ký, họ tên)

Người uỷ quyền
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG, XÃ HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
(trường hợp người uỷ quyền là cá nhân)

Phụ lục số 03
ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Ban hành kèm theo Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Mã số nhà đầu tư:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Chúng tôi/Tôi đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Trung tâm.....tại

...

Nay chúng tôi/tôi đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Trung tâm...

với lý do:.....

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

CÔNG TY.../NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Phụ lục số 04
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM GIA ĐẤU GIÁ
(Ban hành kèm theo Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Trung tâm Giống Thủy sản Quảng Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM GIA ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Trung

Tên tổ chức/cá nhân:

Số CMND/ Số ĐKKD: Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Mã số nhà đầu tư.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....

Số tài khoản: Mở tại.....

Ngày, chúng tôi/tôi đã nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá cổ phần Trung tâm

.....

Với số lượng:.....(Viết bằng chữ:))

Và đã đặt cọc số tiền:.....(Viết bằng chữ) tương đương 10% giá trị đăng ký theo giá khởi điểm.

Tại

Nay tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

- Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,...(đính kèm theo đơn này)
- Mất phiếu tham dự đã cấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của chúng tôi/tôi thì chúng tôi/tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật.

Tên tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Phần dành cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần Xác nhận đã nhận đơn đề nghị của nhà đầu tư:

Số CMND/Căn cước công dân/(ĐKKD)..... và lúc..... giờ..... ngày.....

Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi họ tên)



HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM



(Dự thảo)

Quảng Nam, Tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	36
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	37
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	38
IX. BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	39
Điều 37. Kiểm soát viên	40
Điều 38. Ban kiểm soát.....	41
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	42
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	42
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	42
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	43
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	44
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	44
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	45
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	45
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	45
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	45
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	46
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	46
Điều 46. Năm tài chính	47
Điều 47. Chế độ kế toán.....	47
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	47

Điều 49. Báo cáo thường niên	48
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 50. Kiểm toán	48
XVII. CON DẤU	49
Điều 51. Con dấu	49
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	49
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	49
Điều 53. Gia hạn hoạt động	49
Điều 54. Thanh lý	49
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 56. Điều lệ công ty	51
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 57. Ngày hiệu lực	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng ... năm ...

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG THỦY SẢN QUẢNG NAM**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **QUANG NAM AQUACULTURE JOINT STOCK COMPANY**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung Đàn, xã Tam Đại, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam

- Điện thoại: 0235.3856116

- Fax: 0235.3856116

- Website:

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết : Sản xuất giống thủy sản nội địa	0322
2	Khai thác thủy sản nước ngọt	0312
3	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản	1020
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
5	Hoạt động vui chơi giải trí khác gắn với ngành nghề Chi tiết: Khu vui chơi giải trí sinh thái	9329
6	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Câu cá giải trí	9319

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Sắp xếp, đổi mới Công ty phải phù hợp với chủ trương, định hướng của Nhà nước về nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh
- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh đã nêu trong giấy phép hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty và người lao động, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Đổi mới hình thức sở hữu, tạo điều kiện đổi mới trong quản lý, doanh nghiệp năng động, tự chủ và trách nhiệm hơn, phù hợp với cơ chế thị trường. Qua việc huy động và thu hút vốn đầu tư của các cá nhân, tổ chức kinh tế nhằm tạo nguồn lực để phát triển doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp trong điều kiện mới.
- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm tăng lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông; tạo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và

Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 9.400.000.000 đồng (Chín tỷ, bốn mươi triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 940.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 14 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một

phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và

ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần

thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi

một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3

Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày (trong trường hợp đặc biệt sẽ kéo dài thời gian tổ chức đại hội nhưng không quá 06 tháng) theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc ;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà

theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm

họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế

quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc ; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền

lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày ... hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh

một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến

họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông

phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn ... ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của

Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan

đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do

Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ... nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

The following table shows the results of the experiment. The data indicates that the reaction rate is significantly higher at higher temperatures, which is consistent with the Arrhenius equation. The activation energy of the reaction was determined to be approximately 45 kJ/mol.

Temperature (K)	Rate Constant (s ⁻¹)
298	0.0012
308	0.0045
318	0.015
328	0.055
338	0.18

The linear relationship between the natural logarithm of the rate constant and the inverse of temperature is shown in the graph below. The slope of the line is negative, indicating an exothermic reaction.

The activation energy (E_a) can be calculated from the slope of the line using the equation:

$$E_a = -R \cdot \text{slope}$$

where R is the gas constant (8.314 J/mol·K). The calculated activation energy is 45 kJ/mol.